TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-5-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Ngọc Dung;

Ông Huỳnh Việt Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị U, sinh năm: 1992 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị U trình bày: Vào năm 2009 được sự đồng ý của hai bên gia đình nên bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống, đến tháng 3 năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống và đã có hai con nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mẫu thuẫn. Nguyên nhân là chồng bà không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, tham gia tệ nạn, đã nhiều lần xảy ra cự cãi giận dỗi, thậm chí đánh nhau. Mâu thuẫn xảy ra nhiều lần gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn được nên vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung vợ chồng có được 02 người con chung tên Nguyễn Nhã U1, sinh ngày 30/05/2011 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17/05/2015, hiện các con chung đang chung sống với ông T. Sau khi ly hôn các con chung có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi, còn chung sống với bà thì bà nuôi, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung bà xác định không có. Tại phiên tòa, bà U yêu cầu được nuôi con do con có nguyện vọng sống với bà và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại biên bản ý kiến ngày 26/4/2023 của Nguyễn Nhã U1 và Nguyễn Khánh H cùng trình bày: các con có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị U và ông Nguyễn Văn T được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị U và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị U và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đối với yêu cầu ly hôn của bà U, ông T không có ý kiến. Xét thấy, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, bà U xác định tình cảm vợ chồng không còn và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T, cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà U với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, bà U yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: xét thấy, các con chung tên Nguyễn Nhã U1 và Nguyễn Khánh H đều có nguyện vọng được chung sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, đối với yêu cầu về nuôi con chung của bà U, ông T không có ý kiến, do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Nhã U1 và Nguyễn Khánh H cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà U yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Xét thấy, ông T không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con bà U yêu cầu theo quy định là có căn cứ, do không có tài liệu thể hiện mức thu nhập cụ thể nên tính theo mức bình quân của lao động phổ thông tại địa phương, theo đó,

buộc ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung cho bà Trần Thị U mức cấp dưỡng 800.000 đồng/tháng cho mỗi con chung, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung trong 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà U xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị U phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị U được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Buộc ông Nguyễn Văn T giao con chung tên Nguyễn Nhã U1, sinh ngày 30/05/2011 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17/05/2015 cho bà Trần Thị U trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn T thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Nhã U1, sinh ngày 30/05/2011 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17/05/2015 cho bà Trần Thị U, mỗi con chung là 800.000 (Tám trăm ngàn) đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà U xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị U phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010984 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng (chưa nộp).

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng